

CHÍNH PHỦ
Số: 63/1998/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về quản lý ngoại hối

CHÍNH PHỦ

Để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, từng bước thực hiện khả năng chuyển đổi của đồng Việt Nam trong các hoạt động ngoại hối và hoàn thiện hệ thống quản lý ngoại hối của Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định về ngoại hối và quản lý hoạt động ngoại hối của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam và ở nước ngoài, của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.
- Tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mọi hoạt động ngoại hối của tổ chức, cá nhân phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Ngoại hối chỉ được lưu hành qua hệ thống ngân hàng, tổ chức và cá nhân được phép hoạt động ngoại hối.
- Hoạt động ngoại hối tại khu vực biên giới, khu chế xuất được thực hiện theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quản lý nhà nước về ngoại hối

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối;
2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối;
3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 3. Áp dụng điều ước quốc tế, tập quán quốc tế và pháp luật nước ngoài trong hoạt động ngoại hối với nước ngoài

1. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Nghị định này, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.
2. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam không cấm, các bên tham gia hoạt động ngoại hối với nước ngoài có thể thoả thuận áp dụng tập quán quốc tế hoặc pháp luật nước ngoài, nếu không gây ra hậu quả làm thiệt hại đến lợi ích của Việt Nam.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ngoại hối là:

- a) Tiền nước ngoài như: tiền giấy, tiền kim loại;
- b) Công cụ thanh toán bằng tiền nước ngoài như: séc, thẻ thanh toán, hối phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi bưu điện và các công cụ thanh toán khác;
- c) Các loại giấy tờ có giá bằng tiền nước ngoài như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty, kỳ phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác;
- d) Quyền rút vốn đặc biệt, đồng tiền chung Châu Âu, các đồng tiền chung khác dùng trong thanh toán quốc tế và khu vực;
- đ) Vàng tiêu chuẩn quốc tế;
- e) Đồng tiền đang lưu hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp chuyển vào và chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc được sử dụng làm công cụ trong thanh toán quốc tế.

2. Người cư trú là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm:

- a) Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế khác thuộc mọi thành phần kinh tế của Việt Nam được thành lập và hoạt động kinh doanh tại Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức kinh tế Việt Nam);
- b) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; chi nhánh công ty nước ngoài, nhà thầu nước ngoài, nhà thầu liên danh với nước ngoài và các tổ chức kinh tế khác có vốn nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- c) Tổ chức tín dụng Việt Nam, tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức tín dụng ở Việt Nam);
- d) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam;
- đ) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, lực lượng vũ trang và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động ở nước ngoài; công dân Việt Nam làm việc trong các tổ chức này và những cá nhân đi theo họ;
- e) Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế Việt Nam, văn phòng đại diện của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng ở Việt Nam hoạt động tại nước ngoài;
- g) Công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam; công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thời hạn dưới 12 tháng;
- h) Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có thời hạn từ 12 tháng trở lên;
- i) Công dân Việt Nam đi du lịch, học tập, chữa bệnh và thăm viếng ở nước ngoài (không kể thời hạn).

3. Người không cư trú là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm:

- a) Tổ chức kinh tế nước ngoài được thành lập và hoạt động kinh doanh tại nước ngoài;

- b) Tổ chức kinh tế Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hoạt động kinh doanh tại nước ngoài;
- c) Tổ chức tín dụng Việt Nam, tổ chức tín dụng nước ngoài ở Việt Nam được thành lập và hoạt động kinh doanh tại nước ngoài;
- d) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của nước ngoài hoạt động tại nước ngoài;
- đ) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện các tổ chức liên chính phủ, cơ quan đại diện các tổ chức phi chính phủ, lực lượng vũ trang và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nước ngoài hoạt động tại Việt Nam; người nước ngoài làm việc trong các tổ chức này và những cá nhân đi theo họ;
- e) Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài; văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;
- g) Người nước ngoài cư trú tại nước ngoài; người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có thời hạn dưới 12 tháng;
- h) Công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thời hạn từ 12 tháng trở lên;
- i) Người nước ngoài đến du lịch, học tập, chữa bệnh và thăm viếng tại Việt Nam (không kể thời hạn).

Trong trường hợp chưa xác định được tổ chức hoặc cá nhân là Người cư trú hoặc Người không cư trú thì Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

4. Hoạt động ngoại hối là các hoạt động đầu tư, vay, cho vay, bảo lãnh, mua, bán và các giao dịch khác về ngoại hối.

5. Tỷ giá hối đoái là giá của một đơn vị tiền tệ nước ngoài tính bằng đơn vị tiền tệ của Việt Nam.

6. Ngoại tệ là đồng tiền của một quốc gia khác hoặc đồng tiền chung.

7. Ngoại tệ tiền mặt là tiền giấy, tiền kim loại, séc du lịch và các công cụ thanh toán tương tự khác bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

8. Vàng tiêu chuẩn quốc tế là vàng khối, vàng thỏi, vàng miếng, vàng lá có dấu kiểm định chất lượng và trọng lượng, có mác hiệu của nhà sản xuất vàng quốc tế hoặc của nhà sản xuất vàng trong nước được quốc tế công nhận.

9. Ngân hàng được phép là ngân hàng ở Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước cho phép hoạt động ngoại hối.

10. Bàn đổi ngoại tệ là tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện các hoạt động thu đổi ngoại tệ tiền mặt. Bàn đổi ngoại tệ có thể do Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối trực tiếp thực hiện hoặc ủy nhiệm cho tổ chức khác làm đại lý.

11. Giao dịch vãng lai là giao dịch giữa Người cư trú với Người không cư trú về hàng hoá, dịch vụ, thu nhập từ đầu tư trực tiếp, thu nhập từ đầu tư vào các giấy tờ có giá, lãi vay và lãi tiền gửi nước ngoài, chuyển tiền một chiều và các giao dịch tương tự khác theo quy định của pháp luật.

12. Thanh toán vãng lai là việc thực hiện thu - chi các giao dịch vãng lai.

13. Giao dịch vốn là các giao dịch chuyển vốn vào Việt Nam, chuyển vốn từ Việt Nam ra nước ngoài trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp, đầu tư vào các giấy tờ có giá, vay và trả nợ nước ngoài, cho vay và thu hồi nợ nước ngoài, các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật Việt Nam làm tăng hoặc giảm tài sản có hoặc tài sản nợ giữa Người cư trú với Người không cư trú.

14. Chuyển vốn là việc thực hiện chuyển vốn từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc chuyển vốn từ Việt Nam ra nước ngoài cho các giao dịch vốn.

15. Đầu tư trực tiếp là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào để tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hay nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào để tiến hành hoạt động đầu tư theo pháp luật đầu tư của Việt Nam và nước ngoài.

16. Đầu tư vào các giấy tờ có giá là việc đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ thị trường tiền tệ và các công cụ tài chính tương lai được phát hành tại Việt Nam hay Người cư trú đầu tư vào giấy tờ có giá được phát hành ở nước ngoài.

17. Vay và trả nợ nước ngoài là việc Người cư trú vay và trả nợ đối với Người không cư trú dưới mọi hình thức được hạch toán bằng ngoại tệ.